

Lớp Phật Pháp Buddhaddhamma  
Môn học: TƯƠNG ƯNG BỘ – SAMYUTTANIKĀYA

**Bài học ngày 8.2.2021**

---

**KHI ÁC MA KHUYẾN TU**  
**Kinh Khổ Hạnh (Tapokammasuttam)**  
**CHƯƠNG IV. TƯƠNG ƯNG ÁC MA, PHẨM THỨ NHẤT (S.i, 103)**

*Ác ma thường chi phối chúng sanh với những cám dỗ. Trong trường hợp đặc biệt của bài kinh này lại khuyến tu khổ hạnh vì biết đó là điều mà Đức Phật trước khi giác ngộ đã chuyên trì một thời gian dài. Điều này cho thấy “bản chất bá đạo” của Ác ma chỉ muốn đưa chúng sanh vào đường sai lạc bằng mọi phương cách. Mặc dù đối với phần đông con đường khổ tu ép xác thường được hâm mộ sự tự chế cao độ nhưng Đức Phật dạy rõ đó là sự hành trì vô ích. Con đường giới, định, tuệ chính là con đường trung đạo không rơi vào hai cực đoan lợi dưỡng và khổ hạnh. Đức Phật biết rõ hai cực đoan mà Ngài cũng hiểu rõ giá trị trung đạo. Liễu tri phiền não thì phiền não tan biến. Khi Phật nhận rõ ma thì ma cũng biến mất.*



**Kinh Văn**

**Evam me sutam –**  
Tôi được nghe như vậy:

**ekam समयam bhagavā uruvelāyam viharati najjā nerañjarāya tīre  
ajapālanigrodhamūle paṭhamābhisambuddho.**

Thở ấy Đức Thế Tôn, sau khi vừa giác ngộ, ở gần Uruvelā, dưới cội cây ajapālanigrodha bên dòng sông Nerañjara.

**Atha kho bhagavato rahogatassa paṭisallīnassa evam cetaso parivitakko  
udapādi – “mutto vatamhi tāya dukkarakārikāya. Sādhū mutto vatamhi tāya  
anattasamhitāya dukkarakārikāya. Sādhū vatamhi mutto bodhiṃ  
samajjhaga”nti [sādhū ṭhito sato bodhiṃ samajjheganti (sī. pī.), sādhū vatamhi  
satto bodhisamajjhagūti (syā. kam.)].**

Bấy giờ Thế Tôn trong khi độc cư thiền tịnh, ý nghĩ sau đây khởi lên: "Ta thật sự thoát khỏi khổ hạnh. Thật tốt thay, ta thoát khỏi khổ hạnh vô ích ấy. Thật tốt thay, với kiên trì chánh niệm ta thành tựu tuệ giác".

**Atha kho māro pāpimā bhagavato cetasā cetoparivitakkamaññāya yena bhagavā tenupasaṅkami; upasaṅkamitvā bhagavantam gāthāya ajjhabhāsi –**  
Bấy giờ Ác ma biết được suy nghĩ của Đức Thế Tôn liền đi đến và nói lên kệ ngôn:

**“Tapokammā apakkamma,  
yena na sujjhanti māṇavā;  
Asuddho maññasi suddho,  
suddhimaggā aparaddho’ti.**

Từ bỏ pháp khổ hạnh  
Giúp người thanh tịnh hoá  
Không tịnh nghĩ là tịnh  
Lạc mất đường thanh tịnh

**Atha kho bhagavā “māro ayam pāpimā” iti viditvā māraṃ pāpimantaṃ gāthāhi ajjhabhāsi –**  
Lúc ấy Đức Thế Tôn nhận biết “Đây là Ác ma”, Ngài nói lên kệ ngôn:

**“Anatthasaṃhitam ñatvā,  
yaṃ kiñci amaraṃ tapam  
Sabbam natthāvahaṃ hoti,  
phiyārittaṃva dhammani**

Biết khổ hạnh vô ích  
Trong tìm đạo bất tử  
Hoàn toàn không lợi lạc  
Như chèo thuyền trên cạn

**“Sīlam samādhi paññañca,  
maggam bodhāya bhāvayaṃ;  
Pattosmi paramaṃ suddhim,  
nihato tvamasi antakā’ti.**

Ta tu giới, định, tuệ  
Con đường đến giác ngộ  
Đạt thanh tịnh tối thượng

Ác ma! Ngươi đã bại

**Atha kho māro pāpimā “jānāti maṃ bhagavā, jānāti maṃ sugato”ti, dukkhī dummano tatthevantaradhāyīti.**

Ác ma biết được: "Thế Tôn đã biết ta, Thiện Thệ đã biết ta" nên buồn và thất vọng liền biến mất tại chỗ ấy.



**Thích văn**

**“Anatthasamhitam nātvā yaṃ kiñci amaram tapam**

= sau khi biết khổ hạnh không dẫn tới đâu đối với sự tầm cầu đạo bất tử

**Sabbam natthāvaham hoti** = hoàn toàn vô ích

**phiyārittamva dhammani** = như bánh lái và mái chèo trên cạn

**“Sīlam samādhi paññañca** = giới, định, và tuệ

**maggam bodhāya bhāvayaṃ** = con đường tu tập dẫn đến giác ngộ

**Pattosmi paramam suddhim** = chứng đạt sự thanh tịnh tối thượng

**nihato tvamasi antakā”ti** = Hỡi Thần chết, ngươi đã bại.



**Thích nghĩa**

*Ác ma – māro pāpimā – là tên gọi chúng sanh có uy lực do phúc nghiệp quá khứ nhưng mang tham vọng lôi kéo cuộc đời vào vòng cương toả của mình. Ma – mārā – trong Phật pháp bao gồm cả thiên ma, phiền não ma, ngũ uẩn ma, sở hành ma, và tử thân ma. Như vậy là một khái niệm rất rộng cần hiểu đúng theo ngữ cảnh.*

*Từ ngữ māṇavā có nghĩa là là người trẻ là cách gọi “dạy đời” của Ác ma.*

*Sớ giải có đề cập sự việc này xảy ra trong tuần lễ đầu tiên sau khi Đức Phật thành đạo. Điều này không tương ứng với ghi nhận trong Luật tạng (...)*

**Tỳ kheo Giác Đăng dịch và biên soạn giáo trình**  
**-ooOoo-**

## 1. Tapokammasuttaṃ [Mūla]

137. Evaṃ me suttaṃ – ekaṃ samayaṃ bhagavā uruvelāyaṃ viharati najjā nerañjarāya tīre ajapālanigrodhamūle paṭhamābhisambuddho. Atha kho bhagavato rahogatassa paṭisallīnassa evaṃ cetaso parivitaṅko udapādi – “mutto vatamhi tāya dukkarakārikāya. Sādhu mutto vatamhi tāya anattasamhitāya dukkarakārikāya. Sādhu vatamhi mutto bodhiṃ samajjhaga”nti [sādhu t̥hito sato bodhiṃ samajjheganti (sī. pī.), sādhu vatamhi satto bodhisamajjhagūti (syā. kaṃ.)].

Atha kho māro pāpimā bhagavato cetasā cetoparivitaṅkamaññāya yena bhagavā tenupasaṅkami; upasaṅkamitvā bhagavantaṃ gāthāya ajjhabhāsi –

“Tapokammā apakkamma, yena na sujjhanti māṇavā;  
Asuddho maññasi suddho, suddhimaggā aparaddho” [suddhimaggamaparaddho (sī. syā. kaṃ. pī.)] ti.

Atha kho bhagavā “māro ayaṃ pāpimā” iti veditvā māraṃ pāpimantaṃ gāthāhi ajjhabhāsi –

“Anattasamhitāṃ ñatvā, yaṃ kiñci amaraṃ tapaṃ [aparaṃ tapaṃ (ka.)];  
Sabbāṃ natthāvahaṃ hoti, phiyārittaṃva dhammani [vammani (sī.), dhammaniṃ (pī.), jammaniṃ (ka.)] etthāyaṃ dhammasaddo sakkate dhanvanaṃ-saddena sadiso maruvācakoti veditabbo, yathā daḥhadhammātipadaṃ].

“Sīlaṃ samādhi paññañca, maggaṃ bodhāya bhāvayaṃ;  
Pattosmi paramaṃ suddhiṃ, nihato tvamasi antakā”ti.

Atha kho māro pāpimā “jānāti maṃ bhagavā, jānāti maṃ sugato”ti, dukkhī dummano tatthevantaradhāyīti.

## 1. Tapokammasuttaṃ [Mūla]

137. Evaṃ me suttaṃ – ekaṃ samayaṃ bhagavā uruvelāyaṃ viharati najjā nerañjarāya tīre ajapālanigrodhamūle paṭhamābhisambuddho. Atha kho bhagavato rahogatassa paṭisallīnassa evaṃ cetaso parivitaṅko udapādi – “mutto vatamhi tāya dukkarakārikāya. Sādhu mutto vatamhi tāya anattasamhitāya dukkarakārikāya. Sādhu vatamhi mutto bodhiṃ samajjhaga”nti [sādhu t̥hito sato bodhiṃ samajjheganti (sī. pī.), sādhu vatamhi satto bodhisamajjhagūti (syā. kaṃ.)].

Atha kho māro pāpimā bhagavato cetasā cetoparivitakkamaññāya yena bhagavā tenupasaṅkami; upasaṅkamitvā bhagavantam gāthāya ajjhabhāsi –

“Tapokammā apakkamma, yena na sujjhanti māṇavā;  
Asuddho maññasi suddho, suddhimaggā aparaddho” [suddhimaggamaparaddho (sī.  
syā. kaṃ. pī.)] ti.

Atha kho bhagavā “māro ayam pāpimā” iti veditvā māram pāpimantaṃ gāthāhi ajjhabhāsi –

“Anatthasaṃhitam ñatvā, yaṃ kiñci amaram tapaṃ [aparam tapaṃ (ka.)];  
Sabbam natthāvahaṃ hoti, phiyārittamva dhammani [vammani (sī.), dhammanim  
(pī.), jammanim (ka.)] etthāyaṃ dhammasaddo sakkate dhanvanam-saddena sadiso  
maruvācakoti veditabbo, yathā dalhadhammātipadam].

“Sīlam samādhi paññañca, maggaṃ bodhāya bhāvayaṃ; Pattosmi paramam  
suddhim, nihato tvamasi antakā” ti.

Atha kho māro pāpimā “jānāti maṃ bhagavā, jānāti maṃ sugato” ti, dukkhī  
dummano tatthevantaradhāyīti.

## 1. Tapokammasuttavaṇṇanā [Aṭṭhakathā]

137. Mārasaṃyuttassa paṭhame **uruvelāyaṃ viharatī**ti paṭividdhasabbaññutaññāṇo uruvelagāmaṃ upanissāya viharati. **Paṭhamābhisambuddhoti** abhisambuddho hutvā paṭhamam antosattāhasmiṃyeva. **Dukkarakārikāyāti** chabbassāni katāya dukkarakārikāya. **Māro pāpimāti** attano visayaṃ atikkamituṃ paṭipanne satte māretīti **māro**. Pāpe niyojeti, sayam vā pāpe niyuttoti **pāpimā**. Aññānipissa kaṇho, adhipati, vasavattī, antako, namuci, pamattabandhūtiādīni bahūni nāmāni, idha pana nāmadvayameva gahitaṃ. **Upasaṅkamīti** – “ayam samaṇo gotamo ‘muttosmī’ ti maññati, amuttabhāvamassa kathessāmī” ti cintetvā upasaṅkami.

**Tapokammā apakkammāti** tapokammato apakkamitvā. **Aparaddhoti** “dūre tvam suddhimaggā” ti vadati. **Amaram tapanti** amaratapam amarabhāvattāya katam lūkhatapam, attakilamathānuyogo. **Sabbānatthāvahaṃ hotīti**, “sabbam tapam mayham atthāvahaṃ na bhavatī” ti ñatvā. **Phiyārittamva dhammanīti** araññe thale phiyārittam viya. Idaṃ vuttam hoti – yathā araññe thale nāvam ṭhapetvā bhaṇḍassa pūretvā mahājanā abhirūhitvā phiyārittam gahetvā saṃkaddheyyum ceva uppīleyyum ca, so mahājanassa vāyāmo ekaṅguladvaṅgulamattampi nāvāya

gamaṇaṃ asādhento niratthako bhaveyya na anattāhāvo, evameva ahaṃ ‘sabbāṃ amaraṃ tapaṃ anattāhāvaṃ hotī’ti ñātvā vissajjesinti.

Idāni taṃ amaraṃ tapaṃ pahāya yena maggena buddho jāto, taṃ dassento **sīlanti**ādimaṃ. Tattha sīlanti vacanena sammāvācākammantājīvā gahitā, **samādhinā** sammāvāyāmasatisamādhayo, **paññāya** sammādiṭṭhisāṅkappā. **Maggāṃ bodhāya bhāvayanti** imaṃ aṭṭhaṅgikameva ariyamaggāṃ bodhatthāya bhāvayanto. Ettha ca **bodhāyāti** maggatthāya. Yathā hi yāgutthāya yāgumeva pacanti, pūvatthāya pūvameva pacanti, na aññaṃ kiñci karonti, evaṃ maggameva maggatthāya bhāveti. Tenāha ‘‘maggāṃ bodhāya bhāvaya’’nti. **Paramaṃ suddhanti** arahattaṃ. **Nihatoti** tvaṃ mayā nihato parājito. Paṭhamaṃ.